

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ HALIPHAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ HALIPHAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HALIPHAR MEDICAL INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108328540

**3. Ngày thành lập:** 25/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ô số 04 Lô TT6D KĐT mới Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>-Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>-Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>-Cơ sở bán lẻ thuốc ; | 4772        |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                  | 4610        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                           | 4632(Chính) |
| 5.  | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(trừ loại nhà nước cấm);                                                                                                                                                                                                                     | 2011        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dụng cụ y tế;<br>- Cơ sở bán buôn thuốc;                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                       | 6311        |
| 9.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                      | 6202        |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                    | 6201        |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                              | 5210        |
| 12. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                           | 2651        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                               | 2023 |
| 14. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1812 |
| 15. | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1702 |
| 16. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1623 |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng trong sản xuất công nghiệp; | 4659 |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                 | 4711 |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230 |
| 20. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1079 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>- Kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc;<br>- Kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc;                                                                                         | 8299 |
| 22. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4100 |
| 23. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                         | 7920 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                  | 4931 |
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                  | 4791 |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4789 |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                     | 4781 |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                               | 4741 |
| 29. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669 |
| 30. | In ấn<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811 |
| 31. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652 |
| 32. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651 |
| 33. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản;                                                                                                                                                                  | 6820 |

|     |                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; | 2100 |
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                      | 4290 |
| 36. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                       | 4210 |
| 37. | Điều hành tua du lịch                                                                           | 7912 |
| 38. | Đại lý du lịch                                                                                  | 7911 |
| 39. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                         | 8560 |
| 40. | Quảng cáo                                                                                       | 7310 |
| 41. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                | 4932 |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                               | 4312 |
| 43. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                     | 3250 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ | PA 1202-Udic Complex đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | C3968255                                                                                    |         |
|     |                    |                                                                                                        | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN VĂN DIỆM      | Số 93 Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 181338377                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                        | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN ĐỨC QUYỀN   | PA 1202-Udic Complex đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 013326781                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                        | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC QUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/03/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013326781

Ngày cấp: 09/08/2011

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: PA 1202-Udic Complex đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: PA 1202-Udic Complex đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội